



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Số hiệu sản phẩm Y0046

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Chất làm cứng.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Câu cảnh báo nguy cơ

H302+H312 Gây hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.

H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.

H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Câu phòng ngừa	<p>P261 Tránh hít hơi/ bụi nước.</p> <p>P273 Tránh thải ra môi trường.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P301+P310 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ ngay lập tức.</p> <p>P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.</p> <p>P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p>
Bao gồm	TETRAETHYLENEPENTAMINE, 2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**Hỗn hợp**

TETRAETHYLENEPENTAMINE	20-40%
Số CAS: 112-57-2	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 4 - H302	
Độc tính cấp tính loại 4 - H312	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411	
2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL	1-5%
Số CAS: 90-72-2	
Phân loại	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**Mô tả các biện pháp sơ cứu**

Thông tin chung	Avoid contact with eyes. Show this safety data sheet to the doctor in attendance
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
Sự ăn phải	Sản phẩm này ăn mòn mạnh. Có thể gây bỏng hóa chất trong miệng, thực quản và dạ dày. Có thể gây tổn thương nội tạng trầm trọng.
Tiếp xúc với da	Đau rát và ăn mòn hủy hoại da trầm trọng.
Tiếp xúc với mắt	Kích ứng trầm trọng, bỏng rát, chảy nước mắt và thị lực mờ. Bụi hoặc hỗn hợp bắn ra có thể gây hủy hoại mắt vĩnh viễn.

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp Dập lửa với bọt, cacbon dioxide hoặc bột khô.

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể Khí hoặc hơi gây kích ứng.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy Các thùng chứa gần đám cháy nên được rời đi hoặc làm mát với nước.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Hấp thụ tràn đổ bằng cát và các chất hấp thụ trơ khác. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe hoặc khiên che mặt. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product.

Bảo hộ cho hô hấp Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp nếu mức ô nhiễm không khí vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được khuyến nghị. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Vàng hổ phách.
Mùi đặc trưng	Mùi amoniac. Mùi amin.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): Alkaline @ 20 °C
Điểm nóng chảy	n/d°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>232°C @
Điểm chớp cháy	>93°C TCC (Cốc kính Tag).
Tỷ trọng tương đối	0.95 - 1.07 @ @ 20 °C°C

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Tính tan N/A

Thông tin khác Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất Chất oxy hóa mạnh.

Mức độ ổn định của chất Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.

Khả năng gây ra phản ứng nguy hại Không polyme hóa.

Các tình trạng cần tránh Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần.

Các vật liệu cần tránh Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Nitrous acid and other nitrosating agents.

Các sản phẩm cháy nguy hại Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về tác động của độc tính****Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 500,0

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 1.100,0

Sự hít phải Có thể gây hủy hoại màng nhầy trong mũi, họng, phổi và hệ thống phế quản. Buồn nôn, nôn mửa.

Sự ăn phải Nuốt phải có thể gây kích ứng miệng, thực quản và đường tiêu hóa trầm trọng.

Tiếp xúc với da Kích ứng da trầm trọng.

Tiếp xúc với mắt Có thể gây kích ứng mắt trầm trọng. Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng.

Đường vào cơ thể Tiếp xúc với da và/hoặc mắt Hấp thu vào da Qua đường thở

TETRAETHYLENEPENTAMINE**Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

Độ độc cấp tính qua đường miệng (LD₅₀ mg/kg) 3.990,0

Các loài Chuột cống

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 500,0

2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL**Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Độc cấp tính qua đường miệng (LD₅₀ mg/kg)

Các loài Chuột cống

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độc tính Không được cho là gây độc cho cá.

TETRAETHYLENEPENTAMINE

Độc tính cấp tính- cá LC₅₀, 96 giờ: 420 mg/l, Poecilia reticulata (Cá bảy màu)

Độc tính cấp tính- động vật thủy sinh LC₅₀, 48 giờ: 24 mg/l, Daphnia magna

Độc tính cấp tính- thực vật thủy sinh LC₅₀, 72 giờ: 2 mg/l, Pseudokirchneriella subcapitata

2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL

Độc tính cấp tính- cá LC₅₀, 96 giờ: 175 mg/l, Cyprinus carpio (Cá chép)

Độc tính cấp tính- thực vật thủy sinh LC₅₀, 72 giờ: 84 mg/l, Desmodemus subspicatus

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Nhóm chất thải 08 04 09

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 1760

Số UN (IMDG) 1760

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Số UN (ICAO) 1760

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) CORROSIVE LIQUID, N.O.S.(AMIDOAMINE)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) CORROSIVE LIQUID, N.O.S.(AMIDOAMINE)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) CORROSIVE LIQUID, N.O.S.(AMIDOAMINE)

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 8

Mã phân loại Đường bộ/Đường sắt C9

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 8

Nhóm IMDG 8

Nhóm/ mục ICAO 8

Nhãn vận chuyểnNhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trườngChất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh
Không.Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-B

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 80

PHẦN 15: Thông tin luật định**PHẦN 16: Thông tin khác**

Ý kiến sửa đổi Công thức đã hiệu chỉnh.

Ngày sửa đổi 06/04/2018

Sửa đổi 8

Ngày thay thế 27/09/2017

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

- Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ**
- H302 Gây hại nếu nuốt phải.
 - H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
 - H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
 - H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
 - H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
 - H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
 - H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.